

NGHỊ QUYẾT

Về phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2013 của các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam lộ, Triệu Phong, Hải Lăng, ĐaKrông, Hướng Hoá thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Thông tư số 63/2009/TT-BTC ngày 27/3/2009 của Bộ Tài chính quy định về công tác lập dự toán, tổ chức thực hiện dự toán và quyết toán ngân sách huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 2251/TTr-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2013 của các huyện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2013 của các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam lộ, Triệu Phong, Hải Lăng, ĐaKrông, Hướng Hoá theo các biểu đính kèm.

Điều 2. Ủy ban nhân dân các huyện thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân có trách nhiệm công khai quyết toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2013 theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VI, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 25 tháng 7 năm 2014 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Cục kiểm tra VB Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán NN KVII;
- TVTU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Viện KSND, TAND tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính, KBNN tỉnh; UBND các huyện;
- ĐB HĐND tỉnh; LĐVP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Lê Hữu Phúc

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN THU NĂM 2013

HUYỆN VĨNH LINH

(Kèm theo Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Dự toán		Quyết toán	S. sánh QT/DT (%)	
	Tỉnh giao	Địa phương giao		QT/DT tỉnh giao	QT/DT địa phương giao
Tổng số	271.764.000.000	276.199.000.000	347.950.937.547	128%	126%
A. Tổng thu ngân sách trên địa bàn	35.300.000.000	39.735.000.000	46.700.255.681	132%	118%
I. Thu nội địa	35.300.000.000	39.735.000.000	46.700.255.681	132%	118%
<i>Trong đó: NSDP hưởng</i>	<i>35.035.000.000</i>	<i>39.735.000.000</i>	<i>46.284.537.743</i>	<i>132%</i>	<i>116%</i>
1. Thuế công thương nghiệp (NQD)	19.750.000.000	19.940.150.000	19.810.404.371	100%	99%
2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp			14.489.500		
3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	250.000.000	59.850.000	200.143.750	80%	334%
4. Thu tiền sử dụng đất	5.000.000.000	9.700.000.000	11.742.313.400	235%	121%
5. Thu tiền cho thuê đất	980.000.000	980.000.000	525.765.410	54%	54%
6. Lệ phí trước bạ	6.900.000.000	6.900.000.000	7.104.614.005	103%	103%
7. Thu phí, lệ phí	820.000.000	555.000.000	953.109.048	116%	172%
+ Trung ương			146.290.288		
+ Tỉnh			5.155.100		
+ Huyện, xã, phường			801.663.660		
8. Thu tiền thuê nhà, bán nhà thuộc SHNN			0		
9. Thuế thu nhập cá nhân	1.000.000.000	1.000.000.000	985.077.918	99%	99%
10. Thu khác ngân sách	150.000.000	150.000.000	3.997.901.079		
+ Thu phạt, tịch thu khác			1.144.930.929		
+ Thu bán, thanh lý tài sản			725.818.000		
+ Thu tiền cho thuê quầy bán hàng			984.735.000		
+ Các khoản thu đóng góp			809.890.900		
+ Thu hồi khoản chi năm trước			305.773.250		
+ Thu khác còn lại			26.753.000		
11. Thu tại xã	450.000.000	450.000.000	1.366.437.200	304%	304%
+ Thu phạt, tịch thu			217.643.400		
+ Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản			1.137.242.800		
+ Thu hồi khoản chi năm trước			0		
+ Thu khác			11.551.000		
B. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	236.464.000.000	236.464.000.000	279.486.354.600		
- Thu bổ sung cân đối	236.464.000.000	236.464.000.000	236.464.000.000	100%	100%
- Thu BS ngoài KH			43.022.354.600		
C. Thu kết dư ngân sách năm trước			3.782.768.906		
<i>Trong đó:</i>					
+ Kết dư ngân sách cấp huyện			481.216.984		
+ Kết dư ngân sách xã			3.301.551.922		
D. Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau			11.288.123.820		
E. Các khoản thu để lại ĐV chi QL qua NSNN			6.693.434.540		

Ghi chú:

* Tổng quyết toán gửi Sở Tài chính là: **425.709.361.547 đồng.**

+ Trợ cấp NS huyện, thị xã cho xã, phường, thị trấn: **77.758.424.000 đồng.**

nên số quyết toán báo cáo HĐND là: **347.950.937.547 đồng.**



**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI NĂM 2013
HUYỆN VĨNH LINH**

(Kèm theo Nghị quyết số 11 /2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Dự toán		Quyết toán	S. sánh QT/DT (%)	
	Tỉnh giao	Địa phương giao		QT/DT tỉnh giao	QT/DT địa phương giao
Tổng số	271.499.000.000	276.199.000.000	336.833.411.459	124%	122%
A. Tổng chi cân đối NSDP	271.499.000.000	276.199.000.000	319.031.341.619	118%	116%
I. Chi đầu tư phát triển	14.323.000.000	19.023.000.000	34.135.554.400		
1. Chi đầu tư XDCB tập trung phân bổ theo tiêu	14.323.000.000	19.023.000.000	9.028.261.000		47%
<i>Tr.đó: - Chi XDCB tập trung phân bổ</i>	<i>7.323.000.000</i>	<i>7.323.000.000</i>	<i>9.028.261.000</i>	<i>123%</i>	<i>123%</i>
+ Chi xây dựng cơ bản tập trung phân bổ	5.823.000.000	5.823.000.000	7.528.261.000		
+ Chi trả nợ vay KCHKM và GTNT	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000		
2. Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	5.000.000.000	9.700.000.000	13.114.300.000		
3. Chi TW hỗ trợ có địa chỉ chi	2.000.000.000	2.000.000.000	1.823.300.000	91%	91%
4. Chi thực hiện CT KCHKM và GTNT			4.295.077.400		
5. Chi đầu tư thực hiện CT, dự án và một số nhiệm vụ khác			3.682.616.000		
6. Chi Chương trình mục tiêu quốc gia			2.192.000.000		
II. Chi thường xuyên	252.255.000.000	252.255.000.000	284.895.787.219	113%	113%
1. Chi an ninh-quốc phòng	7.536.000.000	7.536.000.000	12.134.119.100		
- Chi quốc phòng	6.218.000.000	6.218.000.000	7.597.831.700		
- Chi an ninh	1.318.000.000	1.318.000.000	4.536.287.400	344%	
2. Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo	141.612.000.000	141.612.000.000	141.469.640.605	100%	100%
- Chi sự nghiệp giáo dục	140.392.000.000	140.392.000.000	140.176.467.393	100%	100%
- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	1.220.000.000	1.220.000.000	1.293.173.212	106%	106%
3. Chi sự nghiệp y tế và dân số	524.000.000	524.000.000	13.473.684.150		
4. Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ			0		
5. Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	1.303.000.000	1.787.000.000	2.508.570.300	193%	140%
6. Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	805.000.000	805.000.000	805.130.000	100%	100%
7. Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	687.000.000	687.000.000	1.054.312.700	153%	153%
8. Chi sự nghiệp đảm bảo, xã hội	15.307.000.000	15.307.000.000	16.430.373.400	107%	107%
9. Chi sự nghiệp kinh tế	8.178.000.000	6.033.000.000	11.038.194.907		
10. Chi sự nghiệp môi trường	3.141.000.000	3.141.000.000	3.067.500.000	98%	98%
11. Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	72.585.000.000	74.155.320.000	79.029.634.331	109%	107%
12. Chi khác ngân sách	577.000.000	667.680.000	2.607.783.326		
13. Chi thực hiện các Chương trình MTQG, nhiệm vụ khác			1.276.844.400		
III. Chi dự phòng ngân sách (*)	4.921.000.000	4.921.000.000			
B. Chi chuyển nguồn NS năm sau			10.927.785.300		
C. Chi từ nguồn thu để lại q. lý qua NSNN			6.693.434.540		
D. Chi nộp ngân sách cấp trên			180.850.000		

Ghi chú: () Chi dự phòng: 4.246.752.800 đồng được quyết toán ở các sự nghiệp, cụ thể: SN kinh tế: 176.845.000 đồng; SN môi trường: 25.200.000 đồng; Chi sự nghiệp GD-ĐT: 220.859.000 đồng; Chi SN Văn hóa - Thông tin: 92.300.000 đồng; Chi QLNN: 2.786.413.600 đồng; Chi ANQP: 654.135.200 đồng; Chi trợ cấp NS cấp dưới: 221.500.000 đồng, Chi ủng hộ các đơn vị, địa phương khác: 69.500.000 đồng*



**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2013
HUYỆN VĨNH LINH**

(Kèm theo Nghị quyết số 41/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: đồng

S T T	Nội dung	Dự toán		Quyết toán	So sánh QT/DT(%)	
		Tỉnh giao	Địa phương giao		QT/DT tỉnh giao	QT/DT địa phương giao
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	35.300.000.000	39.735.000.000	46.700.255.681	132%	118%
1	Thu nội địa	35.300.000.000	39.735.000.000	46.700.255.681	132%	118%
B	Thu ngân sách địa phương	271.499.000.000	276.199.000.000	347.535.219.609	128%	126%
1	Thu NSDP hưởng theo phân cấp	35.035.000.000	39.735.000.000	46.284.537.743	132%	116%
	- Các khoản thu NSDP hưởng 100%	7.135.000.000	11.835.000.000	18.185.019.899		
	- Các khoản thu NSDP hưởng theo tỷ lệ %	27.900.000.000	27.900.000.000	28.099.517.844	101%	101%
2	Bổ sung từ ngân sách Tỉnh	236.464.000.000	236.464.000.000	279.486.354.600	118%	118%
	- Bổ sung cân đối	236.464.000.000	236.464.000.000	236.464.000.000	100%	100%
	- Bổ sung CT, MT, dự án			43.022.354.600		
3	Thu kết dư ngân sách năm trước			3.782.768.906		
4	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau			11.288.123.820		
5	Các khoản thu để lại ĐV chi QL qua NSNN			6.693.434.540		
C	Chi ngân sách địa phương	271.499.000.000	276.199.000.000	336.833.411.459	124%	122%
1	Chi đầu tư phát triển	14.323.000.000	19.023.000.000	34.135.554.400		
2	Chi thường xuyên	252.255.000.000	252.255.000.000	284.895.787.219	113%	113%
3	Dự phòng	4.921.000.000	4.921.000.000			
4	Chi bằng nguồn thu để lại ĐV chi QL qua NS			6.693.434.540		
5	Chi chuyển nguồn sang năm sau			10.927.785.300		
6	Chi nộp trả ngân sách cấp trên			180.850.000		

23

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ NĂM 2013
HUYỆN VĨNH LINH

(Kèm theo Nghị quyết số 44/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị: đồng

S TT	Nội dung	Dự toán địa phương giao	Quyết toán	So sánh QT/DT (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	Ngân sách cấp huyện			
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	205.087.000.000	335.397.220.864	164%
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	32.306.100.000	37.448.090.920	116%
	- Các khoản thu NS cấp huyện hưởng 100%	11.063.000.000	15.615.439.299	
	- Các khoản thu NS cấp huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	21.243.100.000	21.832.651.621	103%
2	Bổ sung từ ngân sách Tỉnh	172.780.900.000	279.486.354.600	
	- Bổ sung cân đối	172.780.900.000	236.464.000.000	137%
	- Bổ sung CT, MT, dự án		43.022.354.600	
3	Thu kết dư ngân sách năm trước		481.216.984	
4	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau		11.288.123.820	
5	Các khoản thu để lại ĐV chi QL qua NSNN		6.693.434.540	
II	Chi ngân sách cấp huyện	205.087.000.000	329.186.249.871	161%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp (không kể bổ sung cho ngân sách địa phương cấp dưới trực tiếp)	141.403.900.000	244.553.541.331	
2	Bổ sung cho ngân sách xã	63.683.100.000	77.758.424.000	122%
	- Bổ sung cân đối	63.683.100.000	62.984.558.200	99%
	- Bổ sung có mục tiêu		14.773.865.800	
3	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		180.850.000	
4	Chi từ nguồn thu để lại q.lý qua NSNN		6.693.434.540	
B	Ngân sách xã			
I	Nguồn thu ngân sách xã	71.112.000.000	89.896.422.745	126%
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	7.428.900.000	8.836.446.823	
	- Các khoản thu NS xã hưởng 100%	772.000.000	2.569.580.600	333%
	- Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	6.656.900.000	6.266.866.223	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	63.683.100.000	77.758.424.000	122%
	- Bổ sung cân đối	63.683.100.000	62.984.558.200	99%
	- Bổ sung có mục tiêu		14.773.865.800	
3	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau		0	
4	Thu kết dư ngân sách năm trước		3.301.551.922	
II	Chi ngân sách xã	71.112.000.000	85.405.585.588	120%

th

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN THU NĂM 2013

HUYỆN GIO LINH

(Kèm theo Nghị quyết số *11*/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán		Quyết toán	So sánh (%)	
	Tỉnh giao	Địa phương giao		QT/DT tỉnh giao	QT/DT địa phương giao
1	2	3	4	5=4/2	6=4/3
Tổng số	226.890.000.000	226.890.000.000	307.291.700.099	135%	135%
A. Tổng thu ngân sách trên địa bàn	29.300.000.000	29.300.000.000	34.513.179.661	118%	118%
I. Thu nội địa	29.300.000.000	29.300.000.000	34.513.179.661	118%	118%
<i>Trong đó: NSDP hưởng</i>	<i>28.790.000.000</i>	<i>28.790.000.000</i>	<i>34.179.504.068</i>	<i>119%</i>	<i>119%</i>
1. Thuế công thương nghiệp (NQD)	20.830.000.000	20.830.000.000	18.521.698.486	89%	89%
2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp			13.187.500		
3. Thuế nhà đất	40.000.000	40.000.000	130.229.378		
4. Thu tiền sử dụng đất	2.000.000.000	2.000.000.000	6.652.169.200		
5. Thu tiền cho thuê đất	1.340.000.000	1.340.000.000	1.331.453.900	99%	99%
6. Lệ phí trước bạ	3.080.000.000	3.080.000.000	3.803.471.610	123%	123%
7. Thu phí, lệ phí	1.000.000.000	1.000.000.000	891.816.093	89%	89%
+ <i>Trung ương</i>	<i>60.000.000</i>	<i>60.000.000</i>	<i>75.904.593</i>		
+ <i>Tỉnh</i>	<i>450.000.000</i>	<i>450.000.000</i>			
+ <i>Huyện, xã, phường</i>	<i>490.000.000</i>	<i>490.000.000</i>	<i>815.911.500</i>	<i>167%</i>	<i>167%</i>
8. Thuế thu nhập cá nhân	310.000.000	310.000.000	615.525.523	199%	199%
9. Thu khác ngân sách	100.000.000	100.000.000	1.466.839.471		
+ Thu phạt, tịch thu khác			740.745.198		
+ Thu bán, thanh lý tài sản			0		
+ Thu tiền cho thuê quầy bán hàng			20.121.000		
+ Các khoản thu đóng góp			609.842.000		
+ Thu khác còn lại			85.570.273		
+ Thu hồi khoản chi năm trước			10.561.000		
10. Thu tại xã	600.000.000	600.000.000	1.086.788.500	181%	181%
+ Thu phạt, tịch thu			111.970.000		
+ Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản			923.818.500		
+ Thu tiền cho thuê quầy bán hàng					
+ Thu hồi khoản chi năm trước					
+ Thu khác			51.000.000		
B. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	197.590.000.000	197.590.000.000	251.226.116.000		
- <i>Thu bổ sung cân đối</i>	<i>197.590.000.000</i>	<i>197.590.000.000</i>	<i>197.590.000.000</i>	<i>100%</i>	<i>100%</i>
- <i>Thu BS ngoài KH</i>			<i>53.636.116.000</i>		
C. Thu kết dư ngân sách năm trước			16.075.302.438		
<i>Trong đó:</i>					
+ Kết dư ngân sách cấp huyện			9.889.707.267		
+ Kết dư ngân sách xã			6.185.595.171		
D. Thu chuyên nguồn năm trước			1.917.689.000		
E. Các khoản thu để lại ĐV chi QL qua NSNN			3.559.413.000		

24



BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI NĂM 2013

HUYỆN GIỚI LINH

(Kèm theo Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán		Quyết toán	So sánh (%)	
	Tỉnh giao	Địa phương giao		QT/DT tỉnh giao	QT/DT địa phương giao
1	2	3	4	5=4/2	6=4/3
Tổng số	226.380.000.000	226.380.000.000	281.973.682.846	125%	125%
A. Tổng chi cân đối NSDP	226.380.000.000	226.380.000.000	278.414.269.846	123%	123%
I. Chi đầu tư phát triển	10.887.000.000	10.887.000.000	28.984.153.600	266%	266%
1. Chi đầu tư XDCB	10.287.000.000	10.887.000.000	26.036.758.600	253%	239%
Tr.đó: - Chi XDCB tập trung	5.987.000.000	5.987.000.000	17.027.308.000		284%
- Chi từ nguồn thu sử dụng đất	2.000.000.000	2.000.000.000	6.168.163.600		
- Trung ương hỗ trợ có địa chỉ chi	2.300.000.000	2.300.000.000	2.241.287.000		
- Chi công trình xây dựng cơ bản khác					
- Chi trả nợ CT BTHGTNT và KCHKM	600.000.000	600.000.000	600.000.000		
2. Chi Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới			1.459.254.000		
3. Chi đầu tư thực hiện các chương trình,			1.488.141.000		
II. Chi thường xuyên	211.130.000.000	208.875.000.000	249.430.116.246	118%	119%
1. Chi an ninh-quốc phòng	6.504.000.000	6.121.200.000	9.603.384.336	148%	157%
- Chi an ninh	960.000.000	971.000.000	3.423.248.120		
- Chi quốc phòng	5.544.000.000	5.150.200.000	6.180.136.216		
2. Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo	116.995.000.000	117.298.000.000	128.902.442.900	110%	110%
- Chi sự nghiệp giáo dục	115.778.000.000	116.081.000.000	127.827.887.900		
- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	1.217.000.000	1.217.000.000	1.074.555.000		
3. Chi sự nghiệp y tế và dân số	426.000.000	426.000.000	17.361.569.000		
4. Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	1.216.000.000	1.216.000.000	1.083.203.000	89%	89%
5. Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	539.000.000	539.000.000	591.200.000	110%	110%
6. Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	673.000.000	673.000.000	1.008.720.000	150%	150%
7. Chi sự nghiệp đảm bảo, xã hội	13.405.000.000	13.085.000.000	14.497.045.600	108%	111%
8. Chi sự nghiệp kinh tế	6.754.000.000	6.747.000.000	4.912.236.950	73%	73%
9. Chi sự nghiệp môi trường	830.000.000	830.000.000	670.000.000	81%	81%
10. Chi QLHC, đảng, đoàn thể	63.267.000.000	61.418.800.000	68.661.658.701	109%	112%
11. Chi khác ngân sách	521.000.000	521.000.000	754.302.759	145%	145%
12. Chi thực hiện các Chương trình MTQG, nhiệm vụ khác			1.384.353.000		
III. Chi dự phòng ngân sách (*)	4.363.000.000	6.618.000.000			
B. Chi chuyển nguồn NS năm sau					
C. Chi từ nguồn thu để lại ĐV chi QL qua NSNN			3.559.413.000		
D. Chi nộp ngân sách cấp trên					

Ghi chú: (*) Chi dự phòng: 6.618.000.000 đồng được quyết toán ở các sự nghiệp cụ thể: Chi sự nghiệp Phát thanh truyền hình: 21.000.000 đồng; Chi sự nghiệp Thể dục, thể thao: 327.720.000 đồng; Chi Quản lý hành chính: 4.173.987.784 đồng; Chi An ninh - Quốc phòng: 1,244.936.216 đồng; Chi trợ cấp ngân sách cấp dưới: 578.356.000 đồng; Chi khác ngân sách: 272.000.000 đồng



**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2013
HUYỆN GIÒ LÍNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán	So sánh (%)	
		Tỉnh giao	Địa phương giao		QT/DT tỉnh giao	QT/DT địa phương giao
A	B	1	2	3	4 = 3/1	5=3/2
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn (1)	29.300.000.000	29.300.000.000	34.513.179.661	118%	118%
1	Thu nội địa	29.300.000.000	29.300.000.000	34.513.179.661	118%	118%
B	Thu ngân sách huyện	226.380.000.000	226.380.000.000	306.958.024.506	136%	136%
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	28.790.000.000	28.790.000.000	34.179.504.068	119%	119%
	- Các khoản thu NS huyện hưởng 100%	4.530.000.000	4.530.000.000	11.095.391.571	245%	245%
	- Các khoản thu phân chia NS huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	24.260.000.000	24.260.000.000	23.084.112.497	95%	95%
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	197.590.000.000	197.590.000.000	251.226.116.000		
	- Bổ sung cân đối	197.590.000.000	197.590.000.000	197.590.000.000	100%	100%
	- Bổ sung có mục tiêu			53.636.116.000		
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước			1.917.689.000		
4	Thu kết dư ngân sách năm trước			16.075.302.438		
5	Các khoản thu để lại đơn vị QL qua NSNN			3.559.413.000		
C	Chi ngân sách huyện	226.380.000.000	226.380.000.000	281.973.682.846	125%	125%
1	Chi đầu tư phát triển	10.887.000.000	10.887.000.000	28.984.153.600	266%	266%
2	Chi thường xuyên	211.130.000.000	208.875.000.000	249.430.116.246	118%	119%
3	Dự phòng	4.363.000.000	6.618.000.000			
4	Các khoản chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi QL qua NSNN			3.559.413.000		
5	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau					
6	Chi nộp lên ngân sách cấp trên					

26

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ NĂM 2013

HUYỆN GIO LINH

(Kèm theo Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán địa phương giao	Quyết toán	So sánh QT/DT địa phương giao(%)
A	B	1	2	3=2/1
A	Ngân sách cấp huyện			
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	219.242.800.000	293.076.225.849	134%
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	21.652.800.000	26.483.300.582	122%
	<i>Các khoản thu NS cấp huyện hưởng 100%</i>	<i>3.585.000.000</i>	<i>8.984.259.771</i>	<i>251%</i>
	<i>hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)</i>	<i>18.067.800.000</i>	<i>17.499.040.811</i>	<i>97%</i>
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	197.590.000.000	251.226.116.000	
	- Bổ sung cân đối	197.590.000.000	197.590.000.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		53.636.116.000	
	<i>Trong đó: vốn XD CB ngoài nước</i>			
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước		1.917.689.000	
4	Thu kết dư ngân sách năm trước		9.889.707.267	
5	Các khoản thu để lại đơn vị QL qua NSNN		3.559.413.000	
II	Chi ngân sách cấp huyện	219.242.800.000	274.449.535.289	125%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp (không kể bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn)	169.125.000.000	217.069.103.289	128%
2	Bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn	50.117.800.000	53.821.019.000	
	- Bổ sung cân đối	50.117.800.000	50.117.800.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		3.703.219.000	
	<i>Trong đó: vốn XD CB ngoài nước</i>			
3	Chi nộp ngân sách cấp trên			
4	Các khoản chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi QL qua NSNN		3.559.413.000	
B	Ngân sách xã			
I	Nguồn thu ngân sách xã	57.255.000.000	67.702.817.657	118%
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	7.137.200.000	7.696.203.486	108%
	<i>Các khoản thu NS xã hưởng 100%</i>	<i>945.000.000</i>	<i>2.111.131.800</i>	<i>223%</i>
	<i>Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)</i>	<i>6.192.200.000</i>	<i>5.585.071.686</i>	<i>90%</i>
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	50.117.800.000	53.821.019.000	
	- Bổ sung cân đối	50.117.800.000	50.117.800.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		3.703.219.000	
	<i>Trong đó: vốn XD CB ngoài nước</i>			
3	Thu kết dư ngân sách năm trước		6.185.595.171	
II	Chi ngân sách xã	57.255.000.000	61.345.166.557	107%

th



BÁO CÁO QUYẾT TOÁN THU NĂM 2013

HUYỆN TRIỆU PHONG

(Kèm theo Nghị quyết số *11* /2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Dự toán		Quyết toán	S. sánh QT/DT (%)	
	Tỉnh giao	Địa phương giao		QT/DT tỉnh giao	QT/DT ĐP giao
Tổng số	275.308.000.000	275.308.000.000	363.648.936.914	132%	132%
A. Tổng thu ngân sách trên địa bàn	30.700.000.000	30.700.000.000	55.839.829.381	182%	182%
I. Thu nội địa	30.700.000.000	30.700.000.000	55.839.829.381	182%	182%
<i>Trong đó: NSDP hưởng</i>	<i>30.620.000.000</i>	<i>30.620.000.000</i>	<i>55.417.024.006</i>	<i>181%</i>	<i>181%</i>
1. Thuế công thương nghiệp (NQD)	14.060.000.000	14.060.000.000	11.933.979.457	85%	85%
2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp			10.207.000		
3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	70.000.000	70.000.000	140.242.704	200%	200%
4. Thu tiền sử dụng đất	11.000.000.000	11.000.000.000	32.602.725.346	296%	296%
5. Thu tiền cho thuê đất	170.000.000	170.000.000	811.701.282	477%	477%
6. Lệ phí trước bạ	3.250.000.000	3.250.000.000	4.837.929.402	149%	149%
7. Thu phí, lệ phí	550.000.000	550.000.000	697.671.675	127%	127%
+ Trung ương	80.000.000	80.000.000	123.526.375	154%	154%
+ Tỉnh					
+ Huyện, xã, phường	470.000.000	470.000.000	574.145.300	122%	122%
8. Thu tiền thuê nhà, bán nhà thuộc SHNN					
9. Thuế thu nhập cá nhân	400.000.000	400.000.000	536.309.155	134%	134%
10. Thu khác ngân sách	100.000.000	100.000.000	2.339.318.860		
+ Thu phạt, tịch thu khác			987.074.958		
+ Thu bán, thanh lý tài sản			18.000.000		
+ Thu tiền cho thuê quầy bán hàng			1.305.294.902		
+ Các khoản thu đóng góp					
+ Thu hồi khoản chi năm trước			28.949.000		
+ Thu khác còn lại					
11. Thu tại xã	1.100.000.000	1.100.000.000	1.929.744.500	175%	175%
+ Thu phạt, tịch thu			85.700.000		
+ Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản			1.836.544.500		
+ Thu hồi khoản chi năm trước					
+ Thu khác			7.500.000		
B. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	244.608.000.000	244.608.000.000	289.369.818.000	118%	118%
- Thu bổ sung cân đối	244.608.000.000	244.608.000.000	244.608.000.000	100%	100%
- Thu BS ngoài KH			44.761.818.000		
C. Thu kết dư ngân sách năm trước			4.184.948.139		
- Kết dư ngân sách cấp huyện			1.731.386.244		
- Kết dư ngân sách xã			2.453.561.895		
D. Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau			11.197.563.200		
E. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên					
F. Các khoản thu để lại ĐV chi QL qua NSNN			3.056.778.194		

Ghi chú:

* Tổng quyết toán gửi Sở Tài chính là: **419.657.224.914 đồng.**

Trong đó: + Trợ cấp NS huyện cho xã, thị trấn: **56.008.288.000 đồng,**
nên số quyết toán báo cáo HĐND là: **363.648.936.914 đồng.**

26



**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI NĂM 2013
HUYỆN TRIỆU PHONG**

(Kèm theo Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Dự toán		Quyết toán	S. sánh QT/DT (%)	
	Tính giao	Địa phương giao		QT/DT tính giao	QT/DT ĐP giao
Tổng số	275.228.000.000	275.228.000.000	359.991.579.143	131%	131%
A. Tổng chi cân đối NSDP	275.228.000.000	275.228.000.000	342.099.544.447	124%	124%
I. Chi đầu tư phát triển	18.442.000.000	18.556.000.000	45.661.497.400	248%	246%
1. Chi đầu tư XDCB tập trung phân bổ	6.442.000.000	6.556.000.000	7.125.287.000	111%	109%
Trong đó:					
- Chi XDCB tập trung phân bổ	5.242.000.000	5.356.000.000	5.925.287.000	113%	111%
- Chi trả nợ CT BTHGTNT và KCHKM	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	100%	100%
2. Chi CT BTHGTNT và KCHKM			4.800.000.000		
3. Chi đầu tư từ nguồn thu đầu giá đất	11.000.000.000	11.000.000.000	30.717.367.400		
4. Chi TW hỗ trợ có địa chỉ	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000		
5. Chi thực hiện CT, mục tiêu nhiệm vụ			549.172.000		
6. Chi chương trình mục tiêu quốc gia			1.469.671.000		
II. Chi thường xuyên	252.004.000.000	251.666.000.000	296.438.047.047	118%	118%
1. Chi an ninh - quốc phòng	5.222.000.000	7.037.000.000	8.221.160.212	157%	117%
- Chi quốc phòng	4.571.000.000	4.716.000.000	5.089.398.086		108%
- Chi an ninh	651.000.000	2.321.000.000	3.131.762.126		135%
2. Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	152.838.000.000	152.824.000.000	160.115.322.420	105%	105%
- Chi sự nghiệp giáo dục	151.777.000.000	147.752.000.000	155.217.798.420		105%
- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	1.061.000.000	5.072.000.000	4.897.524.000		97%
3. Chi sự nghiệp y tế và dân số	528.000.000	478.000.000	18.440.227.000		
4. Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	1.675.000.000	1.687.000.000	1.599.727.000	96%	95%
5. Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	458.000.000	458.000.000	508.907.000	111%	111%
6. Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	749.000.000	752.000.000	1.557.190.000	208%	207%
7. Chi sự nghiệp đảm bảo, xã hội	15.912.000.000	15.779.000.000	17.886.850.676	112%	113%
8. Chi sự nghiệp kinh tế	5.887.000.000	5.929.000.000	10.480.896.000	178%	177%
9. Chi sự nghiệp môi trường	975.000.000	1.275.000.000	1.175.000.000	121%	92%
10. Chi QLHC, Đảng, đoàn thể	67.197.000.000	63.749.000.000	73.215.629.346	109%	115%
11. Chi khác ngân sách	563.000.000	1.698.000.000	2.222.137.393		131%
12. Chi thực hiện các Chương trình MTQG, nhiệm vụ khác			1.015.000.000		
III. Chi dự phòng ngân sách (*)	4.782.000.000	5.006.000.000			
B. Chi chuyển nguồn NS năm sau			14.819.656.502		
C. Chi từ nguồn thu để lại q. lý qua NSNN			3.056.778.194		
D. Chi nộp ngân sách cấp trên (**)			15.600.000		

Ghi chú:

(*) Chi dự phòng: 5.558.901.000 đồng được quyết toán ở các sự nghiệp, cụ thể: Chi SN kinh tế: 294.420.000đ; Chi SN GD-ĐT: 23.200.000đ; Chi SN y tế và Dân số: 8.400.000đ; Chi SN VH_TT: 113.500.000đ; Chi SN PT-TH: 16.500.000đ; Chi SN TD-TT: 269.000.000đ; Chi QLHC: 3.430.681.000đ; Chi AN-QP: 317.700.000đ; Chi khác: 342.000.000đ; Bổ sung NS cấp dưới: 743.500.000đ.

Handwritten mark



**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2013
HUYỆN TRIỆU PHONG**

(Kèm theo Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: đồng

S T T	Nội dung	Dự toán		Quyết toán	So sánh QT/DT(%)	
		Tỉnh giao	Địa phương giao		QT/DT tỉnh giao	QT/DT ĐP giao
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	30.700.000.000	30.700.000.000	55.839.829.381	182%	182%
1	Thu nội địa	30.700.000.000	30.700.000.000	55.839.829.381	182%	182%
B	Thu ngân sách địa phương	275.228.000.000	275.228.000.000	363.226.131.539	132%	132%
1	Thu NSDP hưởng theo phân cấp	30.620.000.000	30.620.000.000	55.417.024.006	181%	181%
	- Các khoản thu NSDP hưởng 100%	12.840.000.000	12.840.000.000	37.968.563.288	296%	296%
	- Các khoản thu NSDP hưởng theo tỷ lệ %	17.780.000.000	17.780.000.000	17.448.460.718	98%	98%
2	Bổ sung từ ngân sách Tỉnh	244.608.000.000	244.608.000.000	289.369.818.000	118%	118%
	- Bổ sung cân đối	244.608.000.000	244.608.000.000	244.608.000.000	100%	100%
	- Bổ sung CT, MT, dự án			44.761.818.000		
3	Thu kết dư ngân sách năm trước			4.184.948.139		
4	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên					
4	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau			11.197.563.200		
5	Các khoản thu để lại ĐV chi QL qua NSNN			3.056.778.194		
C	Chi ngân sách địa phương	275.228.000.000	275.228.000.000	359.991.579.143	131%	131%
1	Chi đầu tư phát triển	18.442.000.000	18.556.000.000	45.661.497.400	248%	246%
2	Chi thường xuyên	252.004.000.000	251.666.000.000	296.438.047.047	118%	118%
3	Dự phòng	4.782.000.000	5.006.000.000			
4	Chi bằng nguồn thu để lại ĐV chi QL qua NS			3.056.778.194		
5	Chi chuyển nguồn sang năm sau			14.819.656.502		
6	Chi nộp trả ngân sách cấp trên			15.600.000		

26

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ NĂM 2013
HUYỆN TRIỆU PHONG

(Kèm theo Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)



Đơn vị tính: đồng

S TT	Nội dung	Dự toán địa phương giao	Quyết toán	So sánh QT/DT (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	Ngân sách cấp huyện			
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	269.138.000.000	354.843.357.839	132%
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	24.530.000.000	49.487.812.201	202%
	- Các khoản thu NS cấp huyện hưởng 100%	11.220.000.000	35.515.335.288	317%
	- Các khoản thu NS cấp huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	13.310.000.000	13.972.476.913	105%
2	Bổ sung từ ngân sách tỉnh	244.608.000.000	289.369.818.000	118%
	- Bổ sung cân đối	244.608.000.000	244.608.000.000	100%
	- Bổ sung CT, MT, dự án		44.761.818.000	
3	Thu kết dư ngân sách năm trước		1.731.386.244	
4	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau		11.197.563.200	
5	Các khoản thu để lại ĐV chi QL qua NSNN		3.056.778.194	
II	Chi ngân sách cấp huyện	269.138.000.000	353.011.285.584	131%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp (không kể bổ sung cho ngân sách địa phương cấp dưới trực tiếp)	217.959.000.000	293.930.619.390	135%
2	Bổ sung cho ngân sách xã	51.179.000.000	56.008.288.000	109%
	- Bổ sung cân đối	51.179.000.000	51.179.000.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		4.829.288.000	
3	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		15.600.000	
4	Chi từ nguồn thu để lại q.lý qua NSNN		3.056.778.194	
B	Ngân sách xã			
I	Nguồn thu ngân sách xã	57.269.000.000	64.391.061.700	112%
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	6.090.000.000	5.929.211.805	97%
	- Các khoản thu NS xã hưởng 100%	1.620.000.000	2.453.228.000	151%
	- Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	4.470.000.000	3.475.983.805	78%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	51.179.000.000	56.008.288.000	109%
	- Bổ sung cân đối	51.179.000.000	51.179.000.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		4.829.288.000	
3	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau			
4	Thu kết dư ngân sách năm trước		2.453.561.895	
II	Chi ngân sách xã	57.269.000.000	62.988.581.559	110%

21